

Số: XMAN-04/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2026

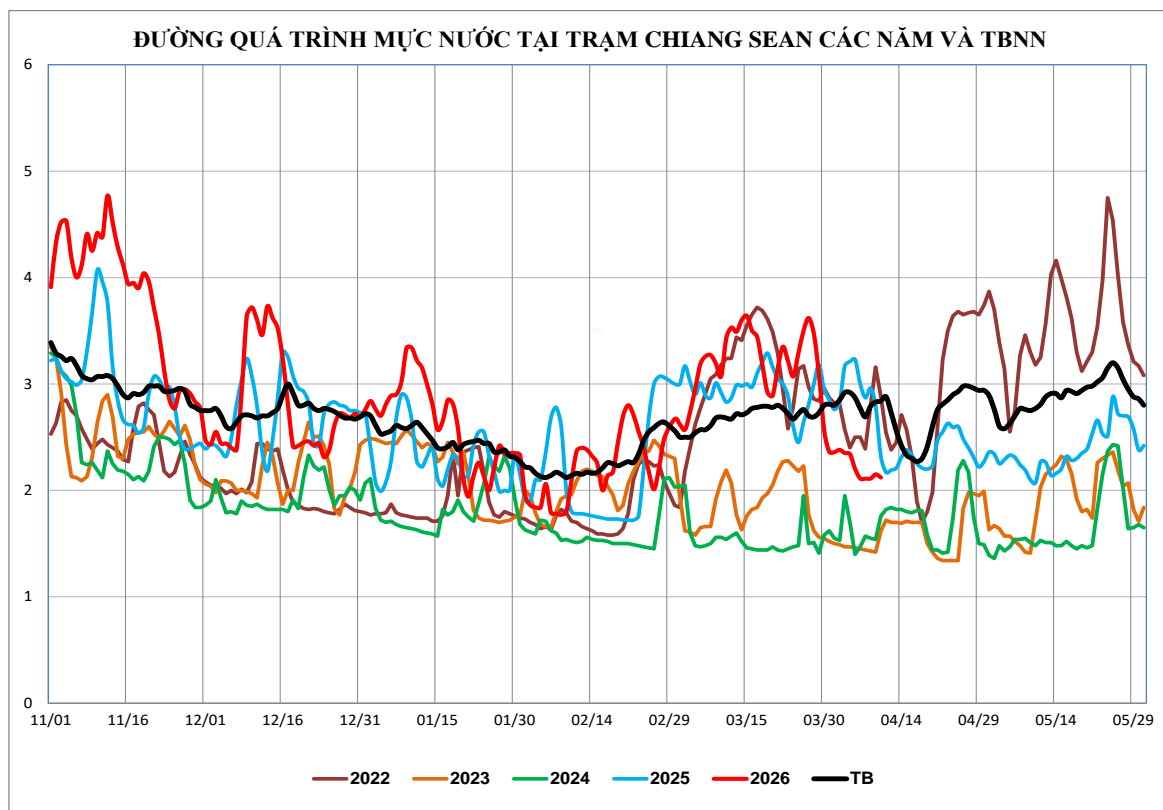
**TIN DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN
TRÊN KHU VỰC NAM BỘ**
(Từ ngày 11 đến ngày 20/4/2026)

1. Hiện trạng thủy văn, thủy triều và xâm nhập mặn ở khu vực Nam Bộ

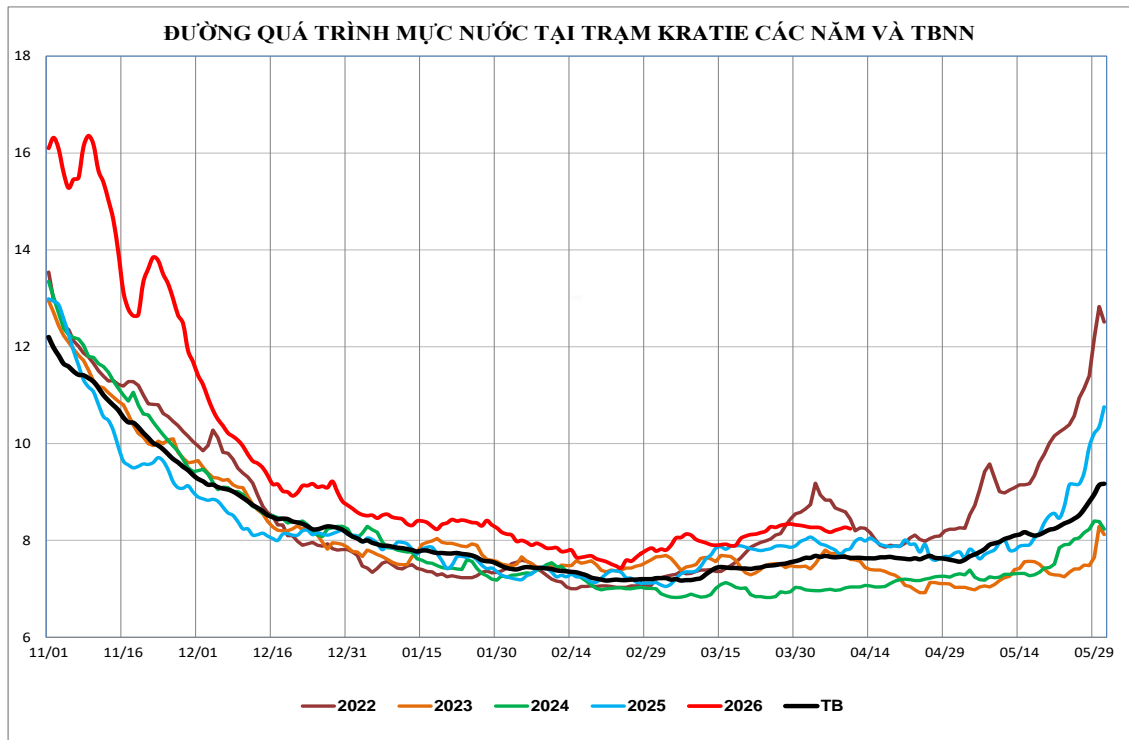
Khu vực phổ biến không mưa, ngày trời nắng, nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 33-36⁰C, có nơi 37-38⁰C.

Mức nước các trạm trên lưu vực sông Mê Công biến đổi chậm, các trạm thượng lưu ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN: 2012-2024) từ 0,1-0,75m, các trạm trung, hạ lưu cao hơn TBNN từ 0,1-1,0m.

Mức nước trên sông Tiền, sông Hậu đang dao động theo triều với xu thế xuống dần. Mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,31m (ngày 02/4), tại Châu Đốc 1,33m (ngày 02/4), cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,15-0,2m.



Hình 1. Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2025-2026 tại trạm Chiang Saen (Thái Lan)



Hình 2. Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2025-2026 tại trạm Kratie (Campuchia)

Từ ngày 01-10/04, mực nước thủy triều trạm Vũng Tàu có xu hướng giảm. Mực nước cao nhất quan trắc tại trạm Vũng Tàu đạt 3,86m (lúc 02h15 ngày 03/04). Từ ngày 01-10/04, mực nước thủy triều trạm Rạch Giá có xu hướng giảm. Mực nước cao nhất quan trắc tại trạm Rạch Giá đạt 0,2m (lúc 04h00 ngày 01/04).

Xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có xu thế giảm dần vào cuối tuần. Độ mặn tại hầu hết các trạm thấp hơn so với độ mặn cao nhất tháng 4/2025.

Chiều sâu ranh mặn 4‰ tại các cửa sông chính:

- Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 40-50km;
- Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 20-25km;
- Sông Hàm Luông: Phạm vi xâm nhập mặn 25-32km;
- Sông Cổ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 20-25km;
- Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 25-32km;
- Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 20-28km.

Bảng 1. Bảng độ mặn cao nhất từ ngày 21-31/3/2026

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)	So sánh (Max tháng 3/2024)
1	Cát Lái	Sài Gòn	Hồ Chí Minh	58	2.9	Nhỏ hơn 5.8
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Long An	67	1.7	Nhỏ hơn 1.4
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Long An	95	0.2	Nhỏ hơn 0.3
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Long An	80	0.4	Nhỏ hơn 1.3
5	Tuyên Nhơn	Vàm Cỏ Tây	Long An	120	0.1	Nhỏ hơn 0.2
6	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Tiền Giang	2	18.8	Nhỏ hơn 3.2
7	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Tiền Giang	18	4.3	Nhỏ hơn 6.5
8	An Định	Tiền	Tiền Giang	48	0.9	Nhỏ hơn 2.5
9	Bình Đại	Cửa Đại	Bến Tre	4	18.8	Nhỏ hơn 4.9
10	Lộc Thuận	Cửa Đại	Bến Tre	18	10.5	Nhỏ hơn 1.9
11	An Thuận	Hàm Luông	Bến Tre	10	16.2	Nhỏ hơn 4.5
12	Sơn Đốc	Hàm Luông	Bến Tre	20	5.1	Nhỏ hơn 1.4
13	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	10	11	Nhỏ hơn 4.8
14	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	25	3.7	Nhỏ hơn 4.7
15	Hưng Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	17	6	Nhỏ hơn 8.3
16	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	32	1.4	Nhỏ hơn 5.7
17	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	28	2.9	Nhỏ hơn 5.6
18	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	7	7.7	Nhỏ hơn 7.7
19	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Sóc Trăng	15	3.1	Nhỏ hơn 3.4
20	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Sóc Trăng	35	0.5	Nhỏ hơn 5
21	Trần Đề	Hậu	Sóc Trăng	10	5.7	Nhỏ hơn 4.1
22	Thạnh Phú	K. Như Gia	Sóc Trăng	Nội đồng (58)	0.6	Nhỏ hơn 3
23	Sóc Trăng	K. Maspero	Sóc Trăng	Nội đồng (59)	0.5	Nhỏ hơn 1.8
24	Gành Hào	Gành Hào	Bạc Liêu	2	28.4	Lớn hơn 0.6
25	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	1,5	29.1	Nhỏ hơn 6.7
26	Rạch Giá	Kiên	Kiên Giang	7	-	
27	Gò Quao	Cái Lớn	Kiên Giang	35	2.9	Nhỏ hơn 3.1
28	An Ninh	Cái Bé	Kiên Giang	8	9.2	Nhỏ hơn 7

2. Dự báo

Khu vực Tây Nam Bộ ngày nắng, nắng nóng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi. Nhiệt độ cao nhất trên toàn khu vực phổ biến từ 33-36⁰C, có nơi cao hơn 37⁰C.

Mực nước các trạm trên lưu vực sông Mê Công biến đổi chậm, các trạm thượng lưu ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN: 2012-2024) từ 0,1-0,75m, các trạm trung, hạ lưu cao hơn TBNN từ 0,1-1,0m.

Mức nước trên sông Tiền và sông Hậu dao động theo triều. Mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,35m, tại Châu Đốc 1,5m, ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,05-0,20m.

Mức nước thủy triều tại trạm Vũng Tàu (TP. Hồ Chí Minh): Từ ngày 10-13/4, đỉnh triều có xu hướng giảm, mực nước đỉnh triều khoảng 3,5-3,6m diễn ra vào khoảng 15 đến 16 giờ. Từ ngày 14/4 trở đi, đỉnh triều có xu hướng tăng, mực nước đỉnh triều khoảng 3,7-3,8m, diễn ra vào khoảng 03 đến 05 giờ và 14 đến 16 giờ hằng ngày.

Mức nước thủy triều tại trạm Rạch Giá (Tỉnh An Giang): Từ ngày 10-16/4, đỉnh triều có xu hướng giảm, mực nước đỉnh triều khoảng 0,3-0,4m diễn ra vào khoảng 19 đến 21 giờ. Từ ngày 17/4 trở đi, đỉnh triều có xu hướng tăng, mực nước đỉnh triều khoảng 0,5-0,7m, diễn ra vào khoảng 15 đến 18 giờ hằng ngày.

Xu thế xâm nhập mặn từ ngày 11-20/4/2026: Xâm nhập mặn ở ĐBSCL có xu thế tăng dần vào cuối tuần. Độ mặn cao nhất tại các trạm ở mức thấp hơn độ mặn cao nhất tháng 04/2025.

Bảng 2. Bảng dự báo độ mặn cao nhất từ ngày 11-20/4/2026

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)	Thời gian xuất hiện
1	Cát Lái	Sài Gòn	Hồ Chí Minh	58	3	18-20/4
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Long An	67	1.5	18-20/4
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Long An	95	0.2	18-20/4
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Long An	80	0.3	18-20/4
5	Tuyên Nhơn	Vàm Cỏ Tây	Long An	120	0.1	18-20/4
6	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Tiền Giang	2	19.5	18-20/4
7	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Tiền Giang	18	4.5	18-20/4
8	An Định	Tiền	Tiền Giang	48	0.8	18-20/4
9	Bình Đại	Cửa Đại	Bến Tre	4	19.5	18-20/4
10	Lộc Thuận	Cửa Đại	Bến Tre	18	10.8	18-20/4
11	An Thuận	Hàm Luông	Bến Tre	10	16.8	18-20/4
12	Sơn Đốc	Hàm Luông	Bến Tre	20	5.3	18-20/4
13	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	10	11.2	18-20/4
14	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	25	3.8	18-20/4
15	Hung Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	17	6.3	18-20/4
16	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	32	1.6	18-20/4
17	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	28	3.2	18-20/4
18	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	7	8	18-20/4
19	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Sóc Trăng	15	3.6	18-20/4
20	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Sóc Trăng	35	0.5	18-20/4

21	Trần Đề	Hậu	Sóc Trăng	10	6	18-20/4
22	Thanh Phú	K. Như Gia	Sóc Trăng	Nội đồng (58)	0.5	18-20/4
23	Sóc Trăng	K. Maspero	Sóc Trăng	Nội đồng (59)	0.5	18-20/4
24	Gành Hào	Gành Hào	Bạc Liêu	2	28.6	18-20/4
25	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	1,5	29.5	18-20/4
26	Rạch Giá	Kiên	Kiên Giang	-	-	18-20/4
27	Gò Quao	Cái Lớn	Kiên Giang	35	3	18-20/4
28	An Ninh	Cái Bé	Kiên Giang	8	9.4	18-20/4

Chiều sâu ranh mặn 4‰ tại các cửa sông chính:

- Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 40-50km;
- Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 20-25km;
- Sông Hàm Luông: Phạm vi xâm nhập mặn 25-32km;
- Sông Cỏ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 20-25km;
- Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 25-32km;
- Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 20-28km.

Các địa phương cần tranh thủ tích trữ nước ngọt khi triều thấp phục vụ nông nghiệp và dân sinh.

Xu thế nguồn nước và xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2025-2026:

Xâm nhập mặn tại ĐBSCL mùa khô năm 2025-2026 ở mức thấp hơn năm 2024-2025 và TBNN.

Các đợt xâm nhập mặn tăng cao ở cửa sông Cửu Long khả năng tập trung trong tháng 4/2026 (từ ngày 18-21/4); các sông Vàm Cỏ, Cái Lớn vào tháng 4, 5/2025 (từ ngày 18/4-21/4, 01-05/5).

Tình hình xâm nhập mặn ở ĐBSCL phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công, triều cường và còn biến động trong thời gian tới. Các địa phương ở vùng ĐBSCL cần cập nhật kịp thời các thông tin dự báo khí tượng thủy văn và có các biện pháp chủ động phòng chống xâm nhập mặn.

3. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long: Cấp 1.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 20/4/2026

Tin phát lúc: 15h00

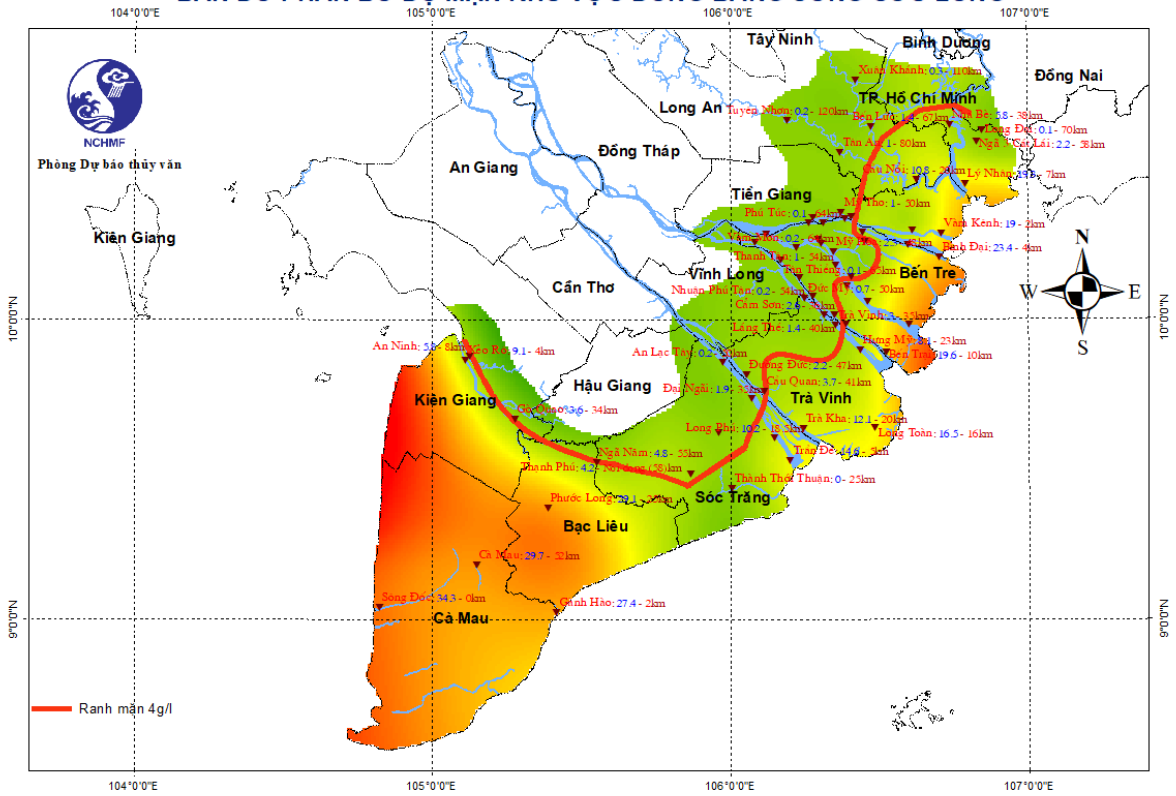
**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

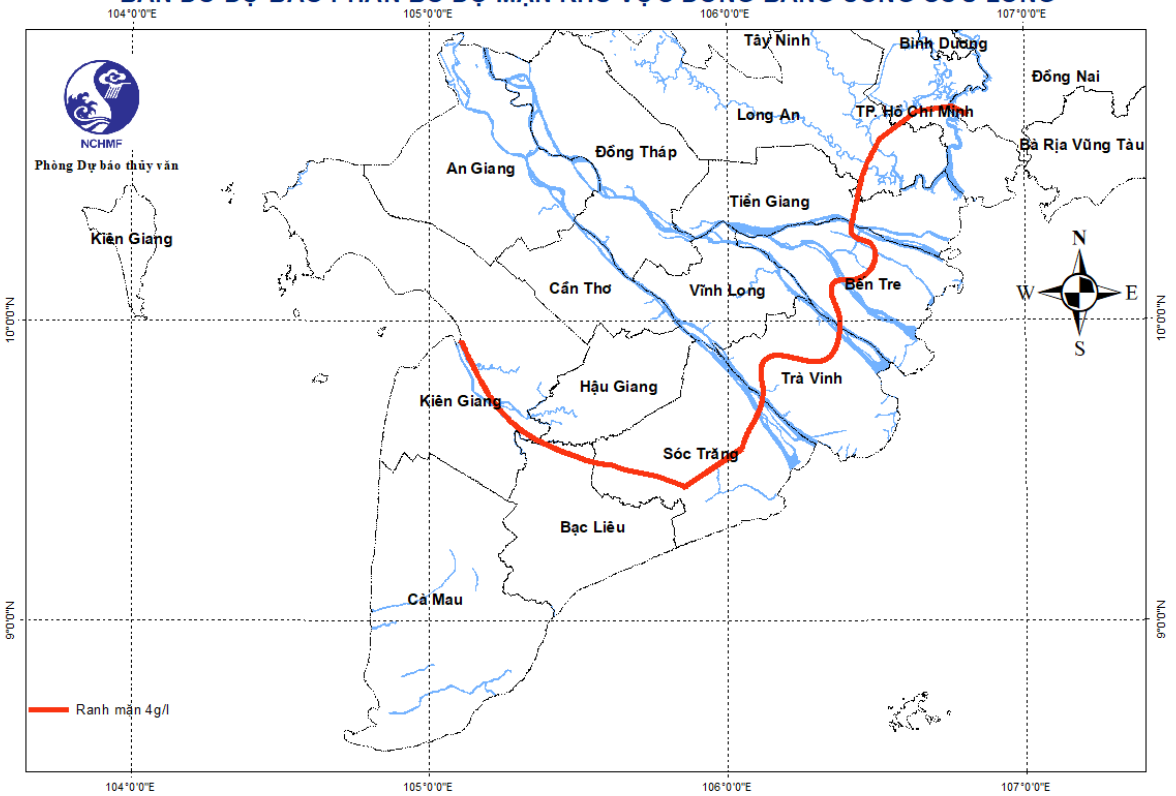
Phụ lục

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ ĐỘ MẶN KHU VỰC ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG



Hình 3. Bản đồ phân bố độ mặn từ 01-10/4/2026

BẢN ĐỒ DỰ BÁO PHÂN BỐ ĐỘ MẶN KHU VỰC ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG



Hình 4. Bản đồ dự báo phân bố độ mặn cao nhất từ 11-20/4/2026